

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 26/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2024

V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám

Ông Đặng Thế Ứng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc V – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Thái Thị Ngọc S, sinh năm 1991;

HKTT: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(chị S có đơn xin vắng mặt, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thái Thị Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Văn M do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, chị và anh M tổ chức đám cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 10/3/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, anh **M** thường hay cờ bạc không lo làm đê lo cho vợ con. Chị và anh **M** đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 10/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Phạm Văn M**.

Về con chung: có 01 con chung tên **Phạm Ngọc Thảo U**, sinh ngày 19/01/2016. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh **M** nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn **Phạm Văn M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh **M** vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận: yêu cầu xin ly hôn của chị **Thái Thị Ngọc S** cho chị **S** được ly hôn với anh **Phạm Văn M**.

- Về con chung: Giao cháu **Phạm Ngọc Thảo U**, sinh ngày 19/01/2016 cho anh **Phạm Văn M** nuôi dưỡng, chị **S** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **M** chưa có yêu cầu.

Chị **Thái Thị Ngọc S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **S** trình bày tự thỏa thuận, anh **M** thì không có ý kiến gì về tài sản chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **S** trình bày không có, anh **M** thì không có ý kiến gì về nợ chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Thái Thị Ngọc S** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị **Thái Thị Ngọc S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Phạm Văn M** vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét

xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn anh **Phạm Văn M** có hộ khẩu thường trú tại **ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị **Thái Thị Ngọc S** và anh **Phạm Văn M** tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 10/3/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh **M** thường hay cờ bạc không lo làm để lo cho vợ con. Chị và anh **M** đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đoàn tụ lại sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh **M**. Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi chị **S** và anh **M** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến 2018 phát sinh mâu thuẫn. Từ lúc ly thân cho đến nay thì chị **S** và anh **M** không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh **M** để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị **S**, nhưng anh **M** không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, anh **M** không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh **M** không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là anh **M** đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng chị **S** vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh **M**. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị **S** anh **M** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **S** là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Ngọc Thảo U**, sinh ngày 19/01/2016. Khi ly hôn chị **S** đồng ý để anh **M** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **U**, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi chị **S** và anh **M** sống ly thân đến nay con chung do anh **M** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt, sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay thì anh **M** cũng không đến cũng không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung. Đồng thời, theo lời khai của cháu **U** có nguyện vọng được sống với anh **M** khi chị **S** và anh **M** ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu **U**, nên giao cháu **Phạm Ngọc T** Uyên cho anh **Phạm Văn M** chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị **S** không cấp dưỡng nuôi con, anh **M** không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **S** trình bày tự thỏa thuận, anh **M** thì không có ý kiến gì về tài sản chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **S** trình bày không có, anh **M** thì không có ý kiến gì về nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc chị **Thái Thị Ngọc S** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Thái Thị Ngọc S** được ly hôn với anh **Phan Văn M1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Phạm Ngọc Thảo U**, sinh ngày 19/01/2016 cho anh **Phạm Văn M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị **Thái Thị Ngọc S** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **M** không có yêu cầu.

Chị **Thái Thị Ngọc S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Thái Thị Ngọc S** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị **S** đã nộp theo biên lai số 0004551 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy. Nên nên xem như chị **S** đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa

